

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Mã số	TT TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2009 VND	01/01/2009 VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		257,391,134,126	281,374,737,043
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền		17,631,263,552	38,550,969,201
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	46,423,018,472	104,262,405,102
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		115,156,527,966	47,816,484,741
140	IV Hàng tồn kho		66,381,324,452	78,785,010,121
150	V Tài sản ngắn hạn khác		11,798,999,684	11,959,867,878
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		403,824,396,524	392,593,325,927
220	II Tài sản cố định		238,777,886,703	251,095,920,349
221	1 Tài sản cố định hữu hình	8	210,131,035,521	223,254,036,366
227	3 Tài sản cố định vô hình	9	6,326,459,248	6,595,837,807
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	22,320,391,934	21,246,046,176
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	130,964,060,423	104,491,596,020
260	V Tài sản dài hạn khác		20,162,881,858	21,634,925,238
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	12	20,162,881,858	21,634,925,238
269	VI Lợi thế thương mại	13	13,919,567,540	15,370,884,320
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		661,215,530,650	673,968,062,970

Mã số	TT NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2009 VND	01/01/2009 VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		188,374,157,962	239,080,868,317
310	I Nợ ngắn hạn		111,896,376,273	163,566,818,584
330	II Nợ dài hạn		76,477,781,689	75,514,049,733

400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		446,507,217,915	412,420,532,152
410	I Vốn chủ sở hữu	19	446,665,781,851	411,733,553,293
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		169,718,410,000	169,718,410,000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		264,580,918,671	264,580,918,671
414	4 Cổ phiếu quỹ (*)		(4,662,935,543)	(4,655,745,026)
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		56,199,962,653	53,338,985,244
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		5,771,065,509	5,234,914,092
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(44,941,639,439)	(76,483,929,688)
430	II Nguồn kinh phí và quỹ khác		(158,563,936)	686,978,859
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(158,563,936)	686,978,859
410	C Lợi ích của cổ đông thiểu số	26	26,334,154,773	22,466,662,501
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		661,215,530,650	673,968,062,970

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3/2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	71,149,285,390	99,502,135,392	230,701,004,599	355,573,512,048
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		489,822,787	654,938,157	1,015,112,641	996,604,295
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		70,659,462,603	98,847,197,235	229,685,891,958	354,576,907,753
11	4 Giá vốn hàng bán	21	60,354,996,823	79,329,593,430	207,627,846,308	280,600,358,152
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10,304,465,780	19,517,603,805	22,058,045,650	73,976,549,601
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	22	14,667,133,530	8,138,746,088	35,242,616,325	13,678,251,061
22	7 Chi phí tài chính	23	1,879,143,098	6,930,434,669	(8,035,564,245)	12,821,331,037
24	8 Chi phí bán hàng		1,949,324,668	2,433,027,065	5,180,096,307	7,016,786,252
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		6,830,681,705	7,437,504,968	20,168,075,925	20,728,579,645
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		14,312,449,839	10,855,383,191	39,988,053,988	47,088,103,728
31	11 Thu nhập khác		1,948,988,791	1,119,683,783	3,773,953,878	3,518,798,280
32	12 Chi phí khác		108,012,489	603,572,819	1,190,002,106	3,685,246,938
					-	
40	13 Lợi nhuận khác		1,840,976,302	516,110,964	2,583,951,772	(166,448,658)
50	15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16,153,426,141	11,371,494,155	42,572,005,760	46,921,655,070
51	16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	1,430,418,906	2,446,864,677	3,451,790,071	12,256,880,945
60	18 Lợi nhuận sau thuế TNDN		14,723,007,235	8,924,629,478	39,120,215,689	34,664,774,125
61	19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	26	2,036,111,288		4,707,416,071	943,030,004

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO
Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý 3/2009

62	20	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ				
			12,686,895,947	8,924,629,478	34,412,799,618	33,721,744,121
70	21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	754	610	2,046
						2,371

Hải Phòng, ngày 24 tháng 10 năm 2009

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Toàn

Phạm Văn Phú

Vũ Dương Hiền